

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**  
**HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ KỶ BÁN NIÊN 2019**  
**(cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019)**  
(Căn cứ phụ lục số 28 kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC)

**1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:**

Tên quỹ:	<b>Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom</b> Viết tắt: TCFF
Loại hình quỹ:	Quỹ mở trái phiếu
Mục tiêu đầu tư:	Với mục tiêu là bảo toàn vốn, tạo lợi nhuận ngắn hạn cạnh tranh hơn so với các khoản tiền gửi không kỳ hạn, đồng thời tăng tính thanh khoản khi nắm giữ Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư, Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng, tín phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá khác có chất lượng tín dụng tốt và tính thanh khoản cao.
Thời hạn hoạt động:	Không thời hạn
Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio)	Không áp dụng
Chính sách phân chia lợi nhuận:	Việc phân phối lợi nhuận hàng năm dựa trên đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua hoặc do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.
Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:	11,164,366.62 (thời điểm 30/06/2019)
Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Chi tiết như nội dung Phụ lục 1.
Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 Quỹ TCFF: <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018</li><li>- Thông qua Báo cáo ngân hàng giám sát cho năm tài chính kết thúc 31/12/2018</li><li>- Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính 2018</li><li>- Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2018</li><li>- Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2019 của Quỹ</li><li>- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst &amp; Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ năm 2019</li><li>- Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2019</li><li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ (chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)</li></ul>
Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



các nội dung quy định tại  
Điều 45 Thông tư số  
183/2011/TT-BTC

## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại 30/06/2019:

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %
Danh mục chứng khoán	60.99%	91.12%
Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	37.61%	5.07%
Tài sản khác	1.40%	3.81%
	<b>100.00%</b>	<b>100%</b>

Giá trị tài sản ròng của Quỹ:	115,508,933,971.00
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ	11,164,366.62
Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành	10,346.21
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất trong kỳ:	10,351.02
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị thấp nhất trong kỳ:	10,057.50

- Tổng lợi nhuận của Quỹ:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lãi/(lỗ) từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(128,942,127.00)
2	Cổ tức được chia	1,813,373,496.00
3	Chênh lệch mua bán chứng khoán	298,218,771.00
4	Tổng chi phí	826,095,829.00
	<b>Tổng lợi nhuận</b>	<b>1,156,554,311.00</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị Quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Không có.

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của Quỹ:

Tỷ lệ chi phí hoạt động/giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ bán niên năm 2019	3.62%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ bán niên năm 2018	-

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ bán niên 2019	268.98%
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ bán niên 2018	-

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 1 năm):	1,498,733,256.00
--	------------------

- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 3 năm):	1,498,733,256.00
- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 5 năm):	1,498,733,256.00

c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ, được Ban Đại Diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

d. Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.

b. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: không áp dụng

c. So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): không áp dụng

d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): không áp dụng

e. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Chiến lược đầu tư tạm thời: Khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các Nhà Đầu Tư, Công ty Quản lý Quỹ có thể đầu tư lên tới 100% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.

Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào các công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành sẽ được đầu tư thận trọng trên cơ sở đánh giá lợi nhuận và rủi ro khi đầu tư.

f. Đánh giá biến động của thị trường:

*Kinh tế vĩ mô Quý 2 năm 2019*

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II năm 2019 ước tính tăng 6,71% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,19%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,14% và khu vực dịch vụ tăng 6,85%. Tăng trưởng Quý II/2019 thấp hơn tăng trưởng Quý II/2018 chỉ 0,02 điểm phần trăm nhưng cao hơn tăng trưởng Quý II các năm 2011-2017. Trên góc độ sử dụng, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,01% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 7,54%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 7,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 7,38%.

Với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát của Chính phủ, sự chủ động điều hành giá xăng dầu, giá gas, giá điện, giá sách giáo khoa và giá dịch vụ y tế vào các thời điểm phù hợp, nguồn cung gạo dồi dào... là những yếu tố góp phần làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2019 giảm 0,09% so với tháng trước, tính chung Quý II/2019, CPI tăng 0,74% so với quý trước và tăng 2,65% so với cùng kỳ năm 2018, bình quân 6 tháng đầu năm 2019 tăng 2,64%

so với cùng kỳ năm 2018, đây là mức tăng bình quân 6 tháng thấp nhất trong 3 năm gần đây. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2019 tăng 1,87% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

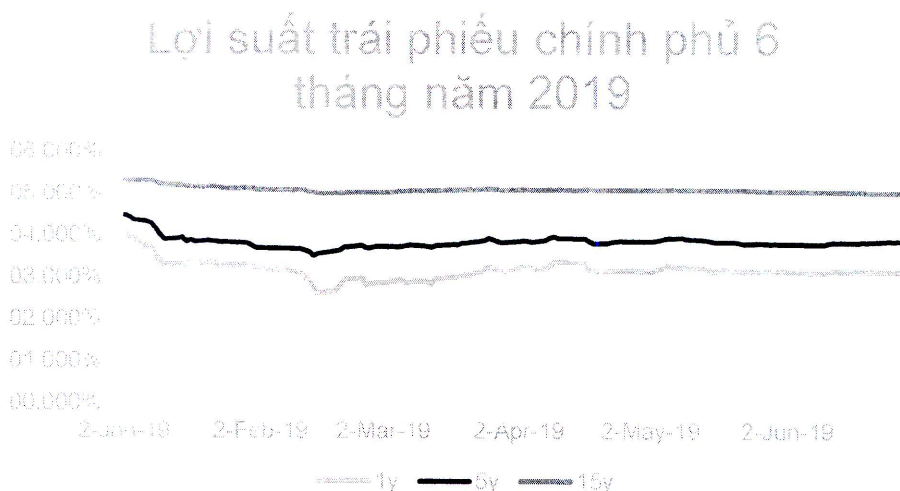
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2019 ước tính đạt 245,48 tỷ USD, mức cao nhất của 6 tháng từ trước đến nay. Đáng chú ý là xuất khẩu rau quả có tín hiệu tốt khi lần đầu tiên 6 tháng đầu năm đạt mức trên 2 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa 6 tháng ước tính nhập siêu ở mức thấp với 34 triệu USD (bằng 0,03% tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 15,72 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 15,68 tỷ USD.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 6 tháng ước tính đạt 9,1 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2018. Trong 6 tháng còn có 4.020 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 8,12 tỷ USD, tăng 98,1% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó có 625 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 5,48 tỷ USD và 3.395 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 2,64 tỷ USD.

#### Thị trường trái phiếu Quý 2 năm 2019

Thị trường sơ cấp trong Quý II diễn biến kém sôi động so với quý I với tỷ lệ trúng thầu bình quân phiên đạt khoảng 73%, thấp hơn mức của quý trước tuy nhiên vẫn cao hơn khoảng 60% so với cùng kỳ 2018. Trong Quý II, KBNN đã huy động được khoảng 35 nghìn tỷ, chỉ đạt khoảng 40% so với kế hoạch của cả quý. Như vậy, tính từ đầu năm, khối lượng phát hành lũy kế đã đạt khoảng 104 nghìn tỷ, tương đương với khoảng 40% kế hoạch của năm 2019.

Giao dịch trên thị trường thứ cấp Quý II tương đối ảm đạm với GTGD bình quân phiên đạt khoảng 3,6 nghìn tỷ đồng, thấp hơn so với mức Quý I và cùng kỳ 2018 lần lượt khoảng 10% và 40%. Cùng với đó, lãi suất trái phiếu chính phủ thứ cấp cũng không có nhiều biến động trong Quý II với xu hướng đi ngang là chủ đạo so với mức cuối Quý I, dao động trong biên độ khoảng 3,8-3,9% kỳ hạn 5 năm và 4,6-4,8% kỳ hạn 10 năm. Tại thời điểm cuối tháng 6, lãi suất TPCP các kỳ hạn 2,5, 10 và 15 năm lần lượt là 3,48%; 3,87%; 4,66% và 5,02%/năm.



Nguồn: VBMA

g. Hiệu quả hoạt động của Quỹ: Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là 2.67% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

g. Thông tin về việc chia, tách đơn vị Quỹ trong kỳ (nếu có): Không có.

h. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ: Không có.

i. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.

j. Các thông tin khác (nếu có): Không có

#### 4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): Không có.

b. Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, Quỹ đầu tư trái phiếu linh hoạt Techcom đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

Công ty cổ phần Quản lý quỹ Kỹ Thương đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ đóng, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá danh mục của Quỹ có phát sinh sai lệch so với hạn chế đầu tư của quỹ, cụ thể:

- Tại các kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại từ ngày 25/01/2019 đến ngày 30/01/2019, ngày 05/03/2019 và từ ngày 31/03/2019 đến ngày 03/04/2019, ngày 25/04/2019 và ngày 09/05/2019, Tỷ lệ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f Khoản 2 Điều 15 Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011, phát hành bởi một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau trên tổng tài sản vượt quá hạn mức tối đa 30% quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 15 Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Điểm b Khoản 10.2 Điều 10 Điều lệ Quỹ.

- Tại các kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại ngày 18/12/2018, ngày 19/12/2018, ngày 11/01/2019, ngày 14/01/2019, ngày 31/01/2019, ngày 04/02/2019, từ ngày 11/02/2019 đến ngày 15/02/2019, ngày 05/03/2019, ngày 31/03/2019, ngày 01/04/2019, ngày 25/04/2019, ngày 09/05/2019, Tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của một Tổ chức phát hành, kể cả giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái chuyển đổi trên tổng tài sản vượt quá hạn mức 20% quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 15 Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Điểm c Khoản 10.2 Điều 10 Điều lệ Quỹ.

- Tại các kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại từ ngày 05/03/2019 đến ngày 07/03/2019, Tỷ lệ đầu tư vào Trái phiếu chưa niêm yết trên Tổng tài sản vượt quá hạn mức tối đa 10% quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 15 Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Điểm e Khoản 10.2 Điều 10 Điều lệ Quỹ.

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại ngày 18/12/2018, ngày 19/12/2018, ngày 28/03/2019, ngày 17/04/2019, ngày 15/05/2019, ngày 16/05/2019 và ngày 22/05/2019, Tỷ lệ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác trên giá trị tài sản ròng chưa đảm bảo hạn mức tối thiểu 80% quy định tại Khoản 17 Điều 2 Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Điểm a Khoản 10.2 Điều 10 Điều lệ Quỹ.

- Tại các kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 25/04/2019 đến ngày 01/05/2019, ngày 09/05/2019 và ngày 12/05/2019, giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn 30 tỷ đồng.

c. Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đầu tư Trái phiếu Linh Hoạt Techcom đã phù hợp với Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d. Việc phát hành Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ quỹ, bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Chi tiết về việc phát hành CCQ:

Chỉ tiêu	Số lượng CCQ
Tổng số CCQ đầu kỳ:	3,010,000.00
Tổng số CCQ phát hành thêm trong kỳ:	31,084,218.17
Tổng số CCQ mua lại trong kỳ:	(22,929,851.55)
Tổng số CCQ cuối kỳ:	11,164,366.62

e. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát (NHGS) phát hiện: Không có.

f. Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

#### 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	318,536,344.00
% Tổng chi phí ủy quyền/ Lợi nhuận	3.60%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Thu nhập	2.30%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Tổng chi phí	5.04%

b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ: Không có.

c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	318,536,344.00
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66,000,000.00
Chi phí dịch vụ lưu ký	120,536,344.00
Chi phí dịch vụ giám sát	33,000,000.00
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ	99,000,000.00

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành. Theo đánh giá của chúng tôi, các đơn vị trên đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tinh chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ TCFF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ kỳ bán niên 2019 (từ 01/01/2019 đến 30/06/2019) của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom (TCFF).

Trân trọng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG



Đặng Lưu Dũng

PHỤ LỤC 1:

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT TECHCOM (TCFF)

Ngày bắt đầu có hiệu lực: 18 tháng 04 năm 2019.

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Cập nhật lại tên Công ty Quản lý Quỹ tại Điều lệ Quỹ như sau:</p> <p>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương</p>	<p>Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương</p>	<p>Điều chỉnh cập nhật theo thực tế hoạt động của Quỹ:</p> <p>Ngày 30/01/2019, Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK cho CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG thay thế và kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ của CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG.</p> <p>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương sẽ có trách nhiệm điều chỉnh và bổ sung nội dung thông tin nêu trên tại Điều lệ Quỹ cũng như cập nhật trên các tài liệu khác của Quỹ.</p>
2	<p><b>Bổ sung Điều 20.2 như sau:</b></p> <p>20.2. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p> <p><u>Việc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (thông qua hình thức gửi thư bằng văn bản, gửi qua fax hoặc qua thư điện tử) hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc hình thức điện tử khác trên cơ sở nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ.</u></p>	<p>20.2. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p>	<p>Điều chỉnh cập nhật theo thực tế hoạt động của Quỹ để sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử.</p>



3	<p><b>Bổ sung Điều 26.2 như sau:</b></p> <p>26.2 Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp bảo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e của Điều 10.1 của Điều lệ này.</p> <p>Phê duyệt bảng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch theo Phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch</p> <p>Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của quỹ.</p> <p><b><u>Thay mất Nhà Đầu tư phê duyệt Quy chế hướng dẫn về việc bỏ phiếu điện tử cho từng đợt lấy ý kiến Nhà Đầu tư nếu sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử.</u></b></p>	<p>Điều chỉnh cập nhật theo thực tế hoạt động của Quỹ để sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử.</p> <p>26.3 Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp bảo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e của Điều 10.1 của Điều lệ này.</p> <p>Phê duyệt bảng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch đối với các giao dịch theo Phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch</p> <p>Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của quỹ.</p>
---	--	---